

**PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC CÁC HỌC PHẦN
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM Ở KHOA ĐỊA LÍ,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐHQĐ**

METHODS OF USING MINDMAPS IN TEACHING VIETNAM 'S NATURAL GEOGRAPHY
MODULES AT FACULTY OF GEOGRAPHY, UNIVERSITY OF EDUCATION
THE UNIVERSITY OF DANANG

Đậu Thị Hòa

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: hoaspdn@yahoo.com

TÓM TẮT

Bản đồ tư duy là phương tiện tác động mạnh đến bộ não, để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Bản đồ tư duy vừa có khả năng bao quát các kiến thức trên một phạm vi rộng, vừa đào sâu từng mạch kiến thức. Chính vì vậy trong dạy học các học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam nếu sử dụng Bản đồ tư duy không những phù hợp với nội dung tri thức mà còn giúp cho cả người dạy, người học đạt được chất lượng dạy và học bộ môn. Nội dung báo này, chúng tôi tập trung nghiên cứu phương pháp sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy học kiến thức mới và trong ôn tập hệ thống hóa kiến thức ở trên lớp.

Từ khóa: bản đồ tư duy; bản đồ tư duy trong dạy học địa lí; phương pháp dạy học; phương pháp sử dụng bản đồ tư duy; dạy học Địa lí tự nhiên Việt Nam

ABSTRACT

Mindmaps are means to expand and deepen ideas by placing a strong impact on the brain. Mindmaps can cover not only the breadth of knowledge but also its depth. Thus, applying Mindmaps to teaching Vietnam's Natural Geography modules is consistent with the knowledge content and also helps to achieve the quality of teaching and learning this subject. In this article, we concentrate on studying the methods of using Mindmaps in delivering new lessons and reviewing old lessons in the classroom.

Key words: mindmaps; mindmaps in teaching Geography; methods of teaching; method of using mindmaps; teaching Vietnam's Natural Geography

1. Đặt vấn đề

Tổng thể lãnh thổ Địa lí tự nhiên Việt Nam gồm nhiều thành phần cấu tạo, có rất nhiều mối quan hệ chi phối nhau theo cấu trúc dọc và ngang, nếu dạy học đơn thuần là thuyết trình thì sinh viên rất khó hiểu, không nhận biết được các mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí trong không gian lãnh thổ. Để hiểu được các mối quan hệ phức tạp này cần sử dụng các phương pháp tích cực, tối ưu để phát hiện và giải thích các mối quan hệ này. Với thế mạnh của Bản đồ tư duy là khả năng bao quát các ý tưởng trên một phạm vi sâu, rộng mà một bản liệt kê ý tưởng thông thường không thể làm được. Bản đồ tư duy cũng thể hiện rõ được các mối quan hệ tương tác và mối quan hệ nhân quả giữa các thành phần và tổng thể tự nhiên Việt Nam.

Chính vì vậy, chúng tôi đi sâu nghiên cứu phương pháp sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy học các học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam cho sinh viên sư phạm địa lí, đây là một trong những phương án tốt, nó giúp người dạy và học đạt được hai mục đích: một là nâng cao được chất lượng dạy học bộ môn, hai là rèn luyện kỹ năng vận dụng phương pháp dạy học cho sinh viên sư phạm.

2. Phương pháp sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy học Địa lí tự nhiên Việt Nam

2.1. Sử dụng Bản đồ tư duy trong việc tổ chức cho sinh viên nhận thức kiến thức mới trên lớp

Để có thể sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy kiến thức mới cho sinh viên, đòi hỏi người giáo viên phải xác định rõ mục tiêu của bài, xác định kiến thức trọng tâm, những kỹ năng chính

để có thể khái quát lên Bản đồ tư duy. Việc sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy kiến thức mới có nhiều cách:

2.1.1. Cách thức nhất: Giáo viên thành lập sẵn Bản đồ tư duy về nội dung bài học sau đó cho sinh viên phân tích Bản đồ tư duy (trong Bản đồ tư duy đã có kết nối với các phương tiện dạy học như các bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh).

Cách tiến hành:

+ Giáo viên nêu mục tiêu của bài học và dàn ý của bài học

+ Đưa Bản đồ tư duy ra và nêu một số câu hỏi gợi mở để định hướng và hướng dẫn sinh viên suy nghĩ, làm việc

+ Sau đó gọi sinh viên lên phân tích, trình bày từng nội dung trên Bản đồ tư duy, các sinh viên khác lắng nghe, ghi chép và bổ sung.

+ Giáo viên nhận xét từng nội dung, khắc họa thêm, giải thích thêm trên các phương tiện trực quan đã kết nối

+ Cứ như vậy, sinh viên sẽ lần lượt phân tích hết các nội dung trong Bản đồ tư duy và bài học kết thúc

Ví dụ: Bài đặc điểm địa hình Việt Nam (3 tiết)

- Mục tiêu của bài: sau bài học này sinh viên cần: Hiểu được các đặc điểm cơ bản của địa hình

Việt Nam; Phân tích và chứng minh được nguyên nhân của các đặc điểm đó; Rèn luyện kỹ năng bản đồ

- Các nội dung cơ bản của bài: Địa hình Việt Nam có 4 đặc điểm chính: Đồi núi là bộ phận quan trọng trong cấu trúc địa hình; Cấu trúc địa hình cổ được Tân kiến tạo làm trẻ lại; Địa hình mang tính chất nội chí tuyến gió mùa ẩm; Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

- Cách hướng dẫn:

+ Giáo viên đưa ra bản đồ tư duy và nêu các câu hỏi:

1, Dựa vào Bản đồ tư duy hãy giải thích và chứng minh địa hình Việt Nam chủ yếu là đồi núi thấp

2, Tại sao địa hình Việt Nam là địa hình cổ được tân kiến tạo làm trẻ lại

3, Tính chất nội chí tuyến gió mùa ẩm thể hiện trong địa hình Việt Nam như thế nào?

4, Những hoạt động nào của con người tác động mạnh đến địa hình và làm địa hình biến đổi?

+ Sinh viên suy nghĩ, lên trình bày từng nội dung trên Bản đồ tư duy

+ Giáo viên nhận xét từng nội dung, khắc họa thêm, giải thích thêm trên các phương tiện trực quan đã kết nối



Hình 1. Bản đồ tư duy biểu hiện đặc điểm địa hình Việt Nam

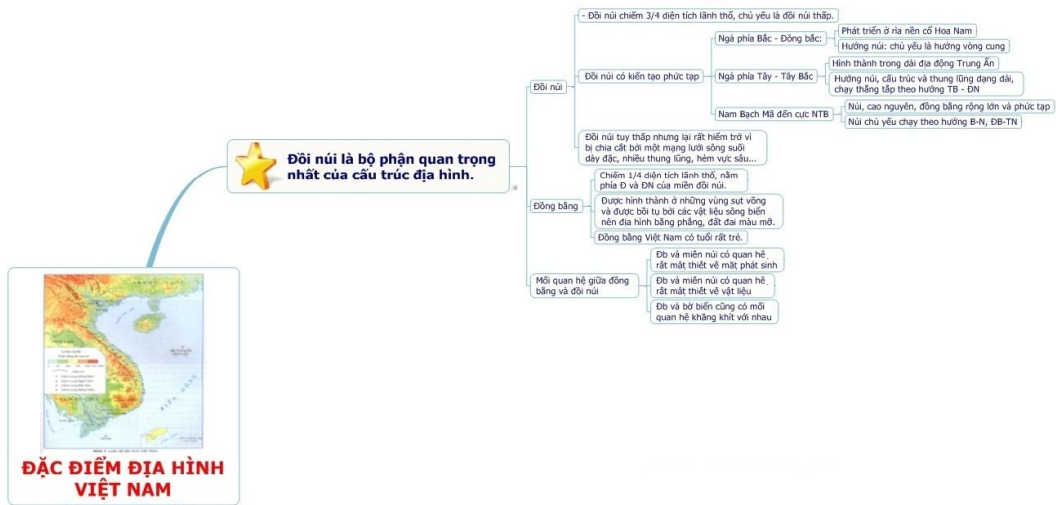
2.1.2. **Cách thứ 2:** Giáo viên vừa giảng bài, đặt vấn đề và hướng dẫn sinh viên thể hiện nội dung bằng Bản đồ tư duy. Khi bài học kết thúc là hoàn thành Bản đồ tư duy

Cách tiến hành:

+ Giáo viên: nêu chủ đề bài học và nêu mục tiêu của bài, sau đó đưa ra chủ đề trung tâm: Đặc điểm của địa hình Việt Nam và nêu nhiệm vụ học tập cho sinh viên

+ Sinh viên trao đổi, thảo luận nhóm cặp đôi (2-4-6) để giải quyết lần lượt các vấn đề và biểu hiện các vấn đề trên bằng Bản đồ tư duy

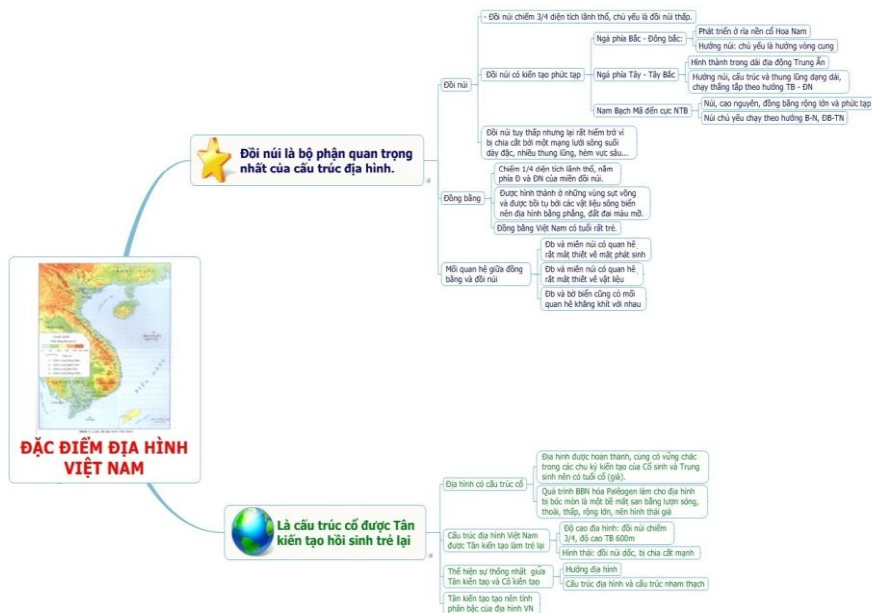
Vấn đề 1: Đặc điểm đầu tiên của địa hình Việt Nam là gì? Hãy giải thích và chứng minh. Sinh viên sẽ biểu hiện nhánh đầu tiên. Giáo viên nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh nhánh 1



Hình 2. Bản đồ tư duy biểu hiện đặc điểm thứ nhất của địa hình

Vấn đề thứ 2: Đặc điểm thứ hai là địa hình có được Tân kiến tạo làm trẻ lại. Hãy giải thích

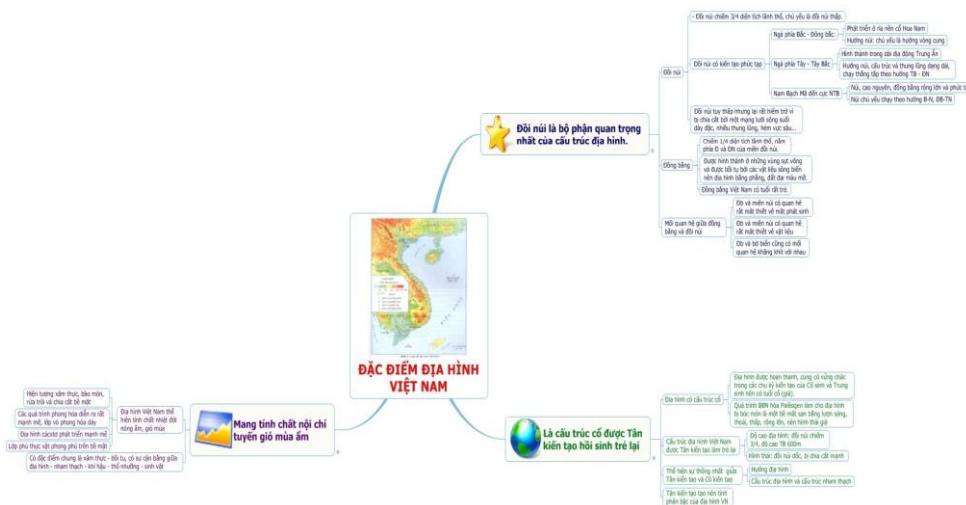
tại sao? Sinh viên biểu hiện nhánh 2. Giáo viên nhận xét, bổ sung để hoàn thiện nhánh 2



Hình 3. Bản đồ tư duy biểu hiện đặc điểm 1 và 2 của địa hình

Vấn đề thứ 3: Địa hình Việt Nam mang tính chất nội chí tuyến gió mùa ẩm. Hãy giải thích và chứng minh. Sinh viên biểu hiện nhánh

3. Giáo viên nhận xét, bổ sung để hoàn thiện nhánh 3



Hình 4. Bản đồ tư duy biểu hiện đặc điểm 1, 2 và 3 của địa hình

Vấn đề thứ 4: Địa hình chịu tác động mạnh của con người. Hãy chứng minh. Sinh viên biểu hiện nhánh 4. Giáo viên nhận xét, bổ sung để hoàn thiện nhánh 4. Kết thúc phần này là bản đồ tư duy hoàn thành (Bản đồ Hình 1).

mỗi nhóm thực hiện một nội dung và biểu hiện nội dung bằng Bản đồ tư duy

2.1.3. Cách thứ 3: Giáo viên cho sinh viên thảo luận nhóm, mỗi nhóm hoàn thành một nội dung, sau đó ghép lại thành Bản đồ tư duy hoàn chỉnh

- Sinh viên:
- + Thảo luận nội dung được phân công.
- + Khi các nhóm hoàn thành: cho từng nhóm lên báo cáo, điền nội dung trên Bản đồ tư duy, các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

Cách tiến hành:

- Giáo viên:
- + Nêu chủ đề bài học, nêu mục tiêu của bài và giới thiệu 4 nội dung chính trên Bản đồ tư duy mở (hình 5, trang sau).
- + Chia lớp làm 4 nhóm, giao nhiệm vụ

Sau đó giáo viên nhận xét, đánh giá phần trình bày Bản đồ tư duy của từng nhóm.

Cuối cùng ghép từng nhánh của mỗi nhóm thành Bản đồ hoàn chỉnh.



Hình 5. Bản đồ tư duy biểu hiện 4 nhánh chính của địa hình

2.2. Sử dụng Bản đồ tư duy trong ôn tập, hệ thống hóa kiến thức

Sau mỗi chương, mỗi phần giáo viên cần tổng kết, ôn tập, hệ thống hóa lại kiến thức cho sinh viên. Tuy nhiên cách thông thường nhất là cho sinh viên nhắc lại một số các vấn đề đã học ở trong từng chương hoặc từng phần. Với cách ôn tập như vậy sẽ không để lại một dấu ấn đáng nhớ, cũng không khái quát được tổng thể các vấn đề, mà chỉ giúp sinh viên nhớ lại những điều đã học, thiếu tính khái quát và lôgic. Nếu sử dụng Bản đồ tư duy thì kiến thức được hệ thống hóa dưới dạng sơ đồ, làm nổi bật các kiến thức chính phụ, các kiến thức được biểu diễn theo các mạch lôgic theo các mối quan hệ tương quan hay nhân quả, nhìn vào đó sẽ giúp sinh viên nhìn thấu bức tranh tổng thể, sinh viên dễ nhớ, nhớ lâu, nhớ sâu, để lại dấu ấn đậm nét trong bộ não, như vậy hiệu quả của tổng kết ôn tập sẽ cao hơn. Có nhiều cách sử dụng Bản đồ tư duy trong ôn tập và hệ thống hóa kiến thức

2.2.1. Cách thứ nhất: Giáo viên lập một Bản đồ tư duy mở, nghĩa là không vẽ đầy đủ, chỉ vẽ chủ đề và một vài nhánh chính, sau đó nêu câu hỏi để sinh viên lần lượt bổ sung các nhánh trên Bản đồ tư duy. Cuối cùng sẽ được một Bản đồ tư duy hoàn chỉnh, phù hợp. Với cách này sẽ lôi cuốn được sự tham gia của sinh viên, sinh viên suy nghĩ, trao đổi, tranh luận nhiều hơn, giờ ôn tập sẽ không đơn điệu, tẻ nhạt, hiệu quả ôn tập sẽ cao hơn.

Ví dụ: Ôn tập ba miền địa lí tự nhiên Việt Nam

- Mục tiêu: Hệ thống hóa lại những vấn đề cơ bản của tự nhiên của mỗi miền; Chỉ ra sự khác biệt về tự nhiên giữa các miền và nguyên nhân của những khác biệt đó; Phân tích được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên mỗi miền

- Cách tiến hành:

B₁: Giáo viên nêu chủ đề và đưa ra một Bản đồ tư duy mở, không vẽ hoàn chỉnh, chỉ vẽ một nhánh gợi ý.



Hình 6. Bản đồ tư duy mở về so sánh tự nhiên 3 miền

Sau đó nêu câu hỏi gợi ý để sinh viên suy nghĩ, trao đổi:

1, Để hệ thống hóa đặc điểm tự nhiên mỗi miền cần khắc sâu những nhân tố nào?

2, So sánh sự phân hóa về tự nhiên của mỗi miền?

3, Biểu hiện như thế nào thì thấy rõ sự khác biệt?

4, Trình bày ý tưởng và suy nghĩ của bản thân trên Bản đồ tư duy.

B₂: Cho sinh viên suy nghĩ, có thể trao đổi thảo luận từng câu hỏi.

B₃: Gọi sinh viên lên thực hiện

B₄: Kết thúc sẽ được một Bản đồ tư duy hoàn chỉnh,

B₅: Giáo viên để sinh viên đối chiếu với Bản đồ tư duy mà giáo viên thành lập, góp ý, nhận xét và tự lựa chọn Bản đồ phù hợp với bản thân.



Hình 7. Bản đồ tư duy hoàn thiện về so sánh tự nhiên 3 miền

2.2.2. Cách thứ 2: sinh viên thảo luận nhóm và tự thành lập Bản đồ tư duy

Cách tiến hành:

- + Giáo viên nêu mục tiêu của bài, gợi ý bằng 4 câu hỏi như trên
- + Chia nhóm, quy định thời gian để sinh viên thảo luận và thành lập Bản đồ tư duy;
- + Khi các nhóm hoàn thành: cho từng nhóm lên báo cáo, các nhóm khác nhận xét, đánh giá;
- + Sau đó giáo viên nhận xét, đánh giá phần trình bày và Bản đồ tư duy của từng nhóm;
- + Cuối cùng giáo viên đưa ra Bản đồ tư duy hoàn chỉnh của mình thành lập để sinh viên

có thể đối chiếu, tham khảo.

3. Kết quả nghiên cứu

Chúng tôi đã tiến hành dạy thực nghiệm ở khoa Địa lí, trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng để kiểm chứng kết quả

- Đối tượng thực nghiệm là sinh viên năm thứ 3, khoa Địa lí, trường Đại học Sư phạm: Lớp: 10SDL lớp thực nghiệm, sĩ số 60 sinh viên; Lớp: 10CDL lớp đối chứng, sĩ số 50 sinh viên.
- Thời gian thực nghiệm tiến hành trong học kì 1 năm học 2012 - 2013.
- Nội dung thực nghiệm: phần Địa lí tự nhiên Việt Nam khu vực.
- Trong quá trình thực nghiệm chúng tôi

tiến hành kiểm tra 2 bài: một bài trắc nghiệm và một bài tự luận. Kết quả như sau:

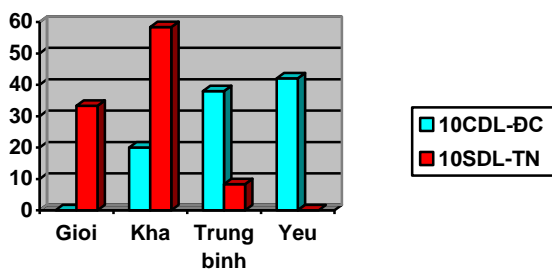
3.1. Kết quả về mức độ hiểu biết và khả năng có thể vận dụng Bản đồ tư duy trong học tập có sự thay đổi giữa trước và sau khi dạy thực

Bảng 1. Kết quả kiểm tra tiền trắc nghiệm

Lớp	Số sinh viên	Kết quả xếp loại (%)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu
10CDL-ĐC	50	00	16,0	32,0	52,0
10SDL-TN	60	00	16,7	33,3	50,0

- Kết quả hậu trắc nghiệm cho thấy có sự khác biệt khá xa nhau giữa lớp ĐC và lớp TN, thể hiện ở biểu đồ sau đây:

Biểu đồ 1. So sánh kết quả hậu trắc nghiệm của lớp ĐC và TN về mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng Bản đồ tư duy trong học tập của sinh viên (ĐV:%)



- Nguyên nhân có sự thay đổi như trên là vì:

* Trong dạy học bài mới có sử dụng Bản đồ tư duy. Khi sử dụng Bản đồ tư duy, ở những bài đầu tiên giáo viên giới thiệu về Bản đồ tư duy, hướng dẫn cách vẽ tay và giới thiệu các phần mềm để sinh viên tham khảo

thực nghiệm

- Kết quả tiền trắc nghiệm cho thấy mức độ hiểu biết và khả năng sử dụng Bản đồ tư duy trong học tập của hai lớp ĐC và TN gần tương đương nhau

* Trong giảng dạy ở trên lớp, giáo viên cho bài tập nhóm, bài tập cá nhân để sinh viên thảo luận và thành lập Bản đồ tư duy

* Các tiết tổng kết ôn tập, giáo viên sử dụng bản đồ tư duy để ôn tập và cho bài tập để sinh viên tự làm

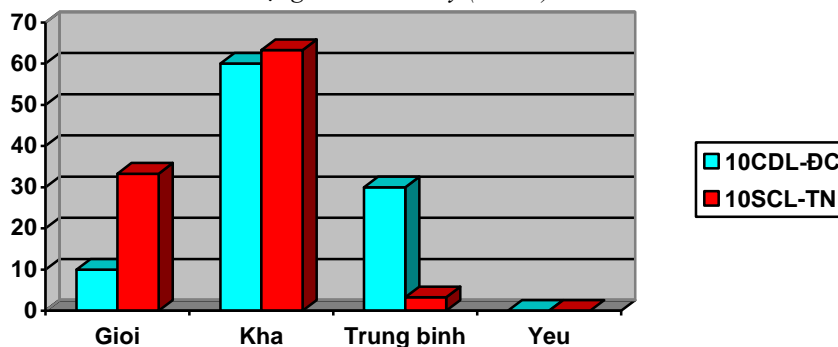
* Giáo viên dành một số nội dung kiến thức để hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở nhà, có sử dụng Bản đồ tư duy.

Vì vậy tất cả sinh viên đều hiểu rõ bản chất của Bản đồ tư duy từ khái niệm, ưu điểm, ý nghĩa, cấu trúc, cách vẽ,... Sinh viên có thể sử dụng tương đối thành thạo trong học tập

3.2. Kết quả về mức độ nhận thức kiến thức mới, khả năng so sánh, tổng hợp

- Về mức độ nhận thức kiến thức mới ở 2 lớp đối chứng và thực nghiệm thể hiện ở biểu đồ sau:

Biểu đồ 2: So sánh kết quả của lớp ĐC và TN về mức độ nhận thức kiến thức của sinh viên có sử dụng Bản đồ tư duy (ĐV:%)



+ Tỷ lệ điểm khá không chênh lệch nhiều:
Lớp ĐC: 60%, lớp TN: 63,3%

+ Tỷ lệ điểm giỏi và trung bình thì chênh lệch nhiều: Giỏi lớp TN: 33,3%, lớp ĐC chỉ: 10%; Ngược lại, tỉ lệ điểm trung bình của lớp ĐC là 30%, nhưng lớp thực nghiệm chỉ: 3,3%.

- Kết quả trên cho thấy:

+ Mức độ nhận thức các kiến thức mới dù có sử dụng Bản đồ tư duy hay không sử dụng Bản đồ tư duy, nếu giáo viên vận dụng các phương pháp dạy học tích cực khác, sinh viên vẫn nhận thức được các kiến thức mới.

+ Tuy nhiên, nếu kết hợp các phương pháp dạy học tích cực với sử dụng Bản đồ tư duy thì ngoài việc nhận thức kiến thức mới dễ dàng hơn, sâu sắc hơn, sinh viên còn biết khái quát, tổng hợp tốt hơn, đặc biệt là có tư duy sáng tạo

hơn, nên tỉ lệ điểm trung bình ít, điểm giỏi ở lớp TN cao hơn rõ rệt.

4. Kết luận

Qua nghiên cứu và thực nghiệm, kết quả bước đầu cho thấy: nếu biết sử dụng Bản đồ tư duy một cách hợp lý thì hiệu quả dạy và học sẽ cao hơn: Sinh viên hứng thú học tập hơn, biết cách ghi chép sáng tạo, nhận thức kiến thức mới một cách dễ dàng hơn, sâu sắc hơn, biết cách khái quát, tổng hợp một vấn đề, biết thể hiện ý tưởng của mình theo một trật tự lô gic theo suy nghĩ của bản thân, phát triển tư duy và sự sáng tạo, đó chính là hiệu quả tốt của một phương pháp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tony Buzan (2007), *Hướng dẫn sử dụng bản đồ tư duy*, NXB Từ Điển Bách Khoa, Hà Nội.
- [2] Tony Buzan (2008), *Lập bản đồ tư duy*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [3] Tony Buzan và Barry Buzan (2008), *Sơ đồ tư duy*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Vũ Tự Lập (2000), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Vũ Tự Lập (1978), *Địa lí tự nhiên Việt Nam tập 2,3*, NXB Giáo dục, Hà Nội.